

QUỶ MA Ở TẠI LÒNG TA

Trong thời thơ ấu ,tôi sống ở đồng quê hẻo lánh và được nghe kể nhiều chuyện ma. Những mẩu chuyện ma kể ở đồng quê nó lâm ly hấp dẫn hơn ở thành thị, vì trong những đêm thanh vắng, người kể chuyện và người nghe chuyện tụ tập ở sân trước nhà dưới ánh trăng thanh chớ không phải ánh đèn điện. Thỉnh thoảng, một cụm mây đen kéo đến, bao phủ vầng trăng, rồi vài tiếng trời gấm kéo dài,sau những tia chớp, làm cho người nghe chuyện, cũng như người kể chuyện thấy nổi da gà.

Có lẽ người nghe, cũng như người kể chuyện thích được nổi da gà trong đêm vắng giữa tiếng gió thổi rì rào, cho nên những chuyện ma được kể dài dài, từ chuyện con ma gia ở trên bờ sông đến chuyện những con ma trời, ma cà rồng vắt vẻo lê thê ở đồng mả (đồng mả là một bãi tha ma khá rộng trên đó có một số mồ mả vô chủ, có vẻ tiêu điều, tang thương), rồi đến chuyện con quỷ một giò ở ngọn cây cây cao ngất, con quỷ cái xoắn tóc dài ở gốc cây đa. Hai con quỷ này tuy có gieo kinh hoàng cho những người quê mùa chất phác, nhưng thật sự là những ân nhân của những thầy bùa , thầy pháp, bà cốt, cô đồng, vì nhờ chúng nó mà mấy “thầy”, mấy “cô” vừa được ăn cháo gà, vừa được cúng tiền để “trừ bịnh quỷ ám”.

Tôi còn nhớ rõ, vào ngày rằm tháng 7, năm 1940 hoặc 41, khi tôi lên 8-9 tuổi, người cô ruột của tôi có mời Mẹ tôi và anh em tôi đến ăn cơm chiều, nhân dịp lễ Vu Lan. Cơm nước xong rồi, mọi người ra ở sân trước nhà để ngắm trăng hứng gió và chuyện trò vui vẻ với nhau. Trong dịp gặp gỡ này, lẽ ra gia đình tôi phải ở chơi tới khuya vì chuyện vui còn dài, trong lúc nhà tôi và nhà cô tôi chỉ cách nhau mười lăm phút đi bộ. Điều đáng tiếc là câu chuyện đang vui thì ở chân trời xa xăm có những tia sấm chớp, rồi tiếp theo những tiếng trời gấm với vài cụm mây đen làm mờ đi vầng trăng sáng.

Mẹ tôi phải xin phép cô tôi để đi về. Lúc bấy giờ, bên cạnh những người con của cô tôi : chị Ba Nết, chị Năm Rành, anh Sáu Gấm, anh Tám Ni, còn có những đứa trẻ lảng giềng: Thăng Nền, con Hia, thằng Hon, con Mịn, vui vẻ quá chừng, nên tôi không muốn về nhà. Tôi nhìn mẹ:

- Mẹ cho con ở lại chơi, con sẽ về sau.
- Trời chuyển mưa, con về trễ, đi một mình lỡ mắc mưa bị bịnh.
- Không sao đâu mẹ, trời không mưa đâu.
- Nhưng lỡ trời mưa, đi qua đồng mả một mình, con không sợ ma hay sao?

Tôi ham vui nên đáp lại không cần suy nghĩ :”Con không sợ đâu mẹ”.

Chị Năm Rành, tên sao thì người như vậy, tuy cũng đồng tuổi với tôi – 8 hoặc 9 tuổi – nhưng tách hay phá phách và rành sáu câu, nên đem chuyện ma ra kể để nhát tôi chơi. Chị nói : “Ở đồng mả có con ma vú dài. Trong những đêm mưa gió, nó thường bắt những đứa con nít, lôi vào bụi cây cho bú vú. Vú nó dài lắm. Nó đi lang thang trên đồng mả , vắt hai cái vú lên vai. Đứa nhỏ nào bị nó cho bú thì trở nên đần độn như kẻ mất hồn...”

Trăng tỏ rồi mờ sau cụm mây đen, giữa tiếng trời gấm và những tia chớp lập lờ. Tôi tưởng tượng một mình đi trong cơn mưa, qua đồng mả , khi con ma vú dài xuất hiện. Trời đất ối, nó hôi hám làm sao, lại tàn nhẫn làm sao! Tôi thấy ớn lạnh và ê càng.

- Thưa chị Hai tôi về, kéo mưa, mẹ tôi nói, thưa cô Hai về đi các con.

-“Thằng Thạch ở lại chơi, chị Năm Rành nói với tôi, trong tiếng cười “ranh mãnh”. Con trai mà sợ gì. Nếu có gặp con ma vú dài thì chạy một mạch về nhà, có sao đâu.”

Mẹ tôi sợ tôi bị quê nên đỡ lời :”Thôi, để nó về, bữa khác đến chơi.”

Khi mẹ con tôi đi ngang qua đồng mả , thì gió bắt đầu lạnh, trăng bị mây che lấp, mờ đi rồi tối hẳn. Những tiếng trời gấm và những tia chớp lập lờ làm cho bốn anh em tôi đi sát vào mẹ. Tôi muốn nói: “Mẹ ơi, đi gần mẹ, con không bao giờ sợ con ma vú dài.” Nhưng tôi đã không nói vì mắc cỡ.

Vào năm 1946,sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt được một năm, thì thôn xóm tôi được lệnh của Việt Minh phải di tản qua thôn xóm khác. Trong thời gian di tản, trong một đêm ở trọ, giữa tiếng súng nổ xa xa, tôi lại được nghe kể câu chuyện ma ma rất là lý thú :

Ngày xưa ở một khu rừng hẻo lánh, có một căn nhà vách ván, lợp ngói âm dương, khá rộng rãi nhưng đã xiêu vẹo vì bị bỏ phế từ lâu.Căn nhà bị bỏ phế vì trong nhà có con ma ghê gớm lắm. Các cậu thanh niên, dù gan lì đến đâu, dù 5- 7 người tập hợp lại cũng không ở nổi một đêm trong căn nhà này.

Một bữa nọ, trời nhá nhem tối, rồi mây đen kéo đến, mưa như trút nước. Trong cơn mưa, có chàng dưng sĩ, một người một ngựa, đến căn nhà này đụt mưa. Việc làm đầu tiên của người ngủ trọ trong căn nhà vắng

vẻ, giữa tiếng mưa rơi ào ào trong đêm tăm tối là thấp ngọn đèn dầu và thay quần áo đã ướt đẫm.

Đêm về khuya, mưa đã thưa hột. Gió hú từng cơn. Trời lạnh. Căn nhà ma vắng vẻ lại càng thêm vắng vẻ. Khách lãng du ngồi đọc sách dưới ánh đèn dầu, bên cạnh chén trà đã lạnh, trong gió lạnh đêm khuya.

Khách lãng du chậm rãi nhấp một ngụm trà, thì bỗng nhiên, trên mái nhà có tiếng cười ghê rợn, phá tan cái không khí yên lặng của đêm thanh cảnh vắng. Người khách chậm rãi để chén trà xuống, nhìn lên mái nhà. Tuyệt nhiên không có bóng dáng ai cả, nhưng thình lình từ mái nhà một cánh tay rơi xuống. Cánh tay co lại, ve vẩy chào người khách. Trong lúc người khách chăm chú nhìn thì cánh tay khác lại cũng rơi xuống, cũng co lại, ve vẩy chào. Hai cánh tay nằm song song với nhau, tiếp tục cựa quậy trong lúc một tiếng “bịch” khác vang lên, giữa tiếng cười ha hả. Cái chân dài thồn lòn đã rơi xuống, đứng phắt dậy, nhẩy cà tót cà tót, rồi nằm dài xuống, phía dưới cánh tay. Tiếng cười quá đỗi rợn người lại vang lên, rồi cái chân khác cũng nhẩy xuống từ mái nhà và cũng làm cái trò cà tót. Sau đó, một tiếng “bịch” to hơn, cái mình tròn trịa đen thùi lù lại rơi xuống, lăn vài vòng rồi nằm yên giữa hai tay và hai chân, trong tiếng cười khiếp đảm từ mái nhà. Khách lãng du lặng nhìn trò quái đăng. Một chuỗi cười ghê rợn lại vang lên, to hơn và kéo dài hơn. Cái mình nhúc nhích, hai chân và hai tay duỗi ra, co vào. Tiếng cười chưa dứt, thì “bịch” một cái nữa, từ trên mái nhà cái đầu lâu rơi xuống. Cái đầu biểu diễn một vòng lăn lóc chung quanh khách lãng du, rồi nằm phía trên cái cổ, cặp mắt chớp lia, hai hàm răng nghiêng kèn kẹt.

Người khách đứng lên, chỉ vào đầu lâu, rồi chậm rãi, dõng dạc bảo rằng: “Mi là ai, muốn làm trò gì? Đã đủ cả đầu mình tay chân, sao không ráp lại để đến uống trà với ta?”

Đầu mình tay chân đã ráp lại, con ma hiện nguyên hình đứng lên, nhìn thẳng vào người khách, rồi chấp tay xá chào và nói: “Thưa đại ca, tôi chỉ là con ma. Cũng như bao nhiêu con ma khác, tôi thích nhất người và khoái chí khi thấy người bị nhát, sợ run lên. Ma không hại người, nhưng người tự hại mình vì sợ ma. Đại ca là người đầu tiên, bình tĩnh và dũng mãnh khác thường, tôi xin báo phục.”

Khách lãng du nhìn con ma phục thiện, cười và nói: “Dầu sao thì đã nhiều lần, anh làm người ta sợ đến sanh bệnh. Vậy từ nay, anh hãy ngưng làm cái việc xấu ác này.”

- Dạ, tôi xin hứa không làm điều xấu nữa.

Con ma nói xong rồi biến mất.

Kể từ cái đêm chàng dũng sĩ “hàng phục ma vương” thì căn nhà xiêu vẹo ở ven rừng trở thành nơi tá túc cho những khách lỡ đường. Và, trong cảnh thanh vắng,

không còn tiếng cười ghê rợn nữa, mà chỉ có tiếng ngáy đều đều hòa với tiếng gió thổi đêm khuya.

Trong đêm vắng, người kể chuyện dừng lại, trầm ngâm, rồi nói như than thở: Các bạn ơi, tội nghiệp cho cái anh chàng dũng sĩ hiện ngang đại phá ma vương này, khi về đến nhà lại xếp giáp quy hàng trước mặt một con ma vô cùng lợi hại. Ngồi trong xô bếp, tủi cho thân phận nam nhi chí chí, kiếp con lừa, dũng sĩ than rằng:

*“Trong cõi Ta bà vạn thứ ma
Ma lem ma luốc với ma gia
Ma rùng ma rú ta không sợ
Ta sợ “ma pham” ngụ tại nhà.”*

(Ma pham: phiên âm tiếng Pháp “ma femme” có nghĩa là vợ của tôi).

Cũng như bao nhiêu người nghe chuyện, và kể cả người kể chuyện, tôi cảm thấy vừa tội nghiệp, vừa buồn cười cho cái anh chàng dũng sĩ, một người một ngựa, trừ tà diệt quỷ chốn rừng xanh mà lại ... xếp de trước con “ma pham” kỳ quái.

Gần sáu mươi năm đã trôi qua, hồi tưởng đến câu chuyện ma trên đây, “bần đạo hốt nhiên đại ngộ”: Phải chăng anh chàng dũng sĩ hiện ngang không hề sợ “ma pham” hiếp đáp mình, mà chỉ vì tâm Bồ Tát, muốn cho bà xã “chỉ ác tác thiện” (ngừng điều ác, làm điều lành), dứt khoát không mù quáng đi theo ma quái trong sáu nẻo luân hồi.

(Dũng sĩ sợ rằng “ma pham”, tuy đã may mắn có Phật tánh mà làm chuyện tà ma)

Lớn lên, tôi có đọc truyện liêu trai. Tôi không thích lắm vì tôi nghĩ rằng, những con hồ ly tinh biến thành gái đẹp chỉ là ảo giác trong giấc mơ hoa của dục tình: những sinh viên thời xa xưa tuy miệt mài đọc sách Thánh hiền, nhưng học theo kiểu từ chương, thức khuya dậy sớm, mỗi một ê chề, giữa đêm vắng chập chờn trong giấc mơ hoa, thì làm sao ma quỷ không sát phạt.

Vào năm 1972, gia đình tôi dọn về cư xá dành cho chuyên viên Ngân Hàng Quốc Gia. Đây là một cư xá sang trọng với những ngôi nhà khang trang, rộng lớn. Tôi may mắn chọn được ngôi nhà vừa ý. Nhà chỉ cách bùng binh Sài Gòn vỏn vẹn 8 cây số, mà tọa lạc trên khu đất rộng hai ngàn thước vuông. Trên khu đất này, tôi có làm một cái ao nhỏ để nuôi những con cá vàng và trồng nhiều loại cây ăn trái bên cạnh những cây khuynh diệp, cây acacia... và một cây độc đáo mà trong cư xá không có ai trồng: cây bồ đề.

Tôi đã vẽ ra một cảnh tuyệt đẹp: mười năm sau nghĩa là vào năm 1982 – tôi sẽ về hưu sớm, lúc đó cây bồ đề sẽ to lớn, cành lá sum xuê. Ở gốc cây bồ đề sẽ có hòn non bộ với dòng thác róc rách trong

tiếng chim líu lo hòa với tiếng gió rạt rào. Bên cạnh cây bồ đề là cái cốc nhỏ, nơi đó tôi sẽ nghỉ ngơi, đọc sách, ngâm thơ, nghiên cứu triết học và Phật học.

Vào tháng tư năm 1975, khi cây bồ đề sắp được ba tuổi, thì trời đất nổi cơn gió bụi. Vào tháng sáu năm 1975, tôi bị đưa vào tù cải tạo để rồi, sau đó, ngôi nhà kang trang với vườn tược xanh tốt đã trở thành căn nhà ma – căn nhà bị ma vương chiếm cứ. Lúc đó, cây bồ đề cao khoảng ba thước. Như chúng ta được biết, dưới cái nhìn của loài ma, cây bồ đề vừa xấu xí lại vừa vô duyên, nên đã bị chặt bỏ.

Trong trại tù cải tạo, đã bao nhiêu lần, tôi thấy lòng đau khôn tả, khi quan sát những con ma đói, nhục nhã lăm than bởi những con ma giáo điều thẳng tay hành hung sỉ nhục.

Ôi, tội nghiệp làm sao, đau đớn làm sao, tủi nhục làm sao! Các bạn ơi, không phải tội nghiệp, đau đớn và tủi nhục cho tù nơn cải tạo mà quê hương mình “có hơn bốn ngàn năm văn hiến”, mà tội nghiệp, đau đớn và tủi nhục cho những thế hệ - không biết bao nhiêu thế hệ - thống khổ lăm than.

Vào tháng 9 năm 1979, gia đình tôi đến Úc. Tôi được Bộ Y Tế Úc chiếu cố đến ruột gan tim phổi và tai mắt mũi họng: mắt mờ nên cho đeo kính để thấy rõ hoa tươi, tai điếc một bên không chữa trị được, nhưng cũng an lòng vì còn bên kia để làm quen với phải đẹp. Tim đập không đều vì còn vấn vương mùi tục lụy, phổi nám sớ sớ nhưng phải vào nhà thương uống thuốc, vì ho khọt khẹt sẽ làm ô nhiễm không gian.

Vào đêm Giáng sinh 1979, tại bệnh viện Prince of Wales, ở khu trị liệu gọi là “Randwick Chest Hospital”, tôi đã thao thức nhớ lại cái dĩ vãng quý khốc thân sầu:

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Giống Lạc Hồng rời bỏ quê hương
Đắng cay chua xót tang thương
Cửa nhà tan nát, quê hương điêu tàn....

Tôi nhớ lại ngôi nhà ở cư xá Ngân Hàng Quốc Gia, tôi nhớ đến vườn cây ao cá, tôi thương tiếc cho cây bồ đề đã bị chặt bỏ từ lâu. Tôi nhớ lại giấc mộng năm xưa: ngôi đọc sách ngâm thơ trong cái cốc nhỏ, bên cạnh cây bồ đề, giữa tiếng thác nước róc rách của hòn non bộ, hòa với tiếng chim hót líu lo trong trời xanh nắng ấm, trong gió thoảng mây bay. Trong giấc ngủ cô đơn, ở nhà thương thanh vắng, “bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao”.

Sau ba tháng điều trị, tôi rời bệnh viện vào tháng giêng năm 1980. Phổi đã sạch vi trùng Koch, nhưng tim vẫn mắc bệnh tà, vì Tây y không để ý đến những con vi trùng tham hận sân si, mạn nghi ác kiến.

Thời gian lặng lẽ trôi qua. Tôi đã học Phật, làm quen với tương chao rau đậu, sống thanh thản với trời xanh mây trắng, sống nhẹ nhàng trong tiếng chuông tỉnh thức.

Vào năm 1985, sau khi tham dự đại lễ khánh thành chùa Pháp Bảo, ngôi chùa kang trang đầu tiên tại nước Úc, tôi trở về nhà, lòng tràn ngập niềm vui. Tối hôm đó, tôi đọc quyển “Pháp Bảo Đàn Kinh” và thấy mình tỉnh giấc mơ dài, khi đọc lại bài kệ của Ngài Thần Tú :

*“Thân thị bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhá trần ai”*

*(Thân là cây bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau sạch
Đừng để vương trần ai.)*

Tôi tỉnh giấc mơ dài, thấy mình đã mê muội ngu si, ôm cứng ngắc cây bồ đề bên cạnh hòn non bộ của cái dĩ vãng huy hoàng, quên mất cái lẽ vô thường và không trở về với phút giây hiện tại, phút giây đẹp tuyệt vời.

Trở về với phút giây hiện tại, sống trong chánh niệm thì thấy rõ mình là đài gương sáng đang ngồi bên cạnh cội bồ đề. Nếu đài gương sáng bị lu mờ bởi những lớp hồng trần lo âu, sợ hãi, phiền não đau buồn... thì lập tức lau chùi cho nó sạch, để cho cuộc đời lên hương tại gốc bồ đề.

Cái lỗi lằm thương tình của chúng sanh là thương tiếc cái dĩ vãng huy hoàng hoặc ôm cứng cái dĩ vãng khổ đau để rồi ray rứt tâm can, mõi mòn thân xác.

Đại thi hào Tiên Điền Nguyễn Du đã nghiền ngẫm cái vô thường và giống lên tiếng trống “Đạn trường tân thanh”:

*“Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”*

Sau đó, vào thời mạt Nho ở Việt Nam, tuy phải lận đận lao đao trên đường công danh khoa bảng mà cụ Trần Tế Xương cũng phải giật mình trước cái vô thường không ai tránh khỏi:

*“Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình, còn tưởng tiếng ai gọi ò”*

Trong phút giây lắng lòng và thương kính, chúng tôi thấy mình hội nhập và đồng hóa với tiền nhân và cảm nhận được tiền nhân đang ở trong tâm của mình. Phải chăng trong phút giây lắng lòng đó mình cảm

nhận được cái thường còn của vô thường, cái hiện hữu của chân không?

Bên cạnh bài kệ của Ngài Thần Tú, tôi cũng rất say mê bài kệ của Ngài Huệ Năng Lục Tổ:

*“Bồ đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bốn lai vô nhứt vật
Hà xứ nhá trần ai”*
(Bồ Đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Bốn lai không có vật
Nào chỗ vương trần ai)

Nhưng thành tâm mà nói, thì trên đường tu học, tôi vẫn thấy, nếu Ngài Huệ Năng là Tổ, thì Ngài Thần Tú cũng là Thánh Tăng, một bậc Thầy cao cả, đáng tôn kính, dạy ta lấy giới luật làm tấm gương sáng để hàng ngày tu học, hàng ngày chuyển hóa những con ma xấu ác, ngồi chễm chệ trong đất tâm của mình, những con ma tham hận sân si, mạn nghi ác kiến.

Chúng tôi có được nghe một câu chuyện vô cùng lý thú, không phải là chuyện ma, mà là chuyện quý. Câu chuyện quý La Sát do Đức Phật kể lại :

Ngày xưa, ở Ấn Độ triển miên đói khổ, có một gánh hát dạo, rày đây mai đó trong tuyết sương giá lạnh, trong nắng lửa mưa dầm. Gánh hát này thường diễn vở tuồng Quý La Sát, một loại quý hung dữ vào bực nhứt. Một đêm kia, gánh hát tá túc trong chốn hồng trần, phải dừng bước trong khu rừng vắng. Vì sợ trộm cướp và sợ thú dữ nên gánh hát đã phải cất người thay phiên canh gác. Đêm về khuya, trời lạnh lắm, nên họ phải nhúm lửa cho được ấm và để ngăn ngừa thú dữ.

Anh chàng đang canh gác vì lạnh quá mà không có áo ấm, nên đã lấy cái áo chòang được dùng khi đóng vai Quý La Sát, mặc vào và ngồi bên cạnh khóm lửa. Khoảng nửa đêm, có người thức giấc nhưng còn mơ màng. Cái anh chàng “khai nhãn túy mang mang” (mắt mở nhưng còn say nồng) thấy con “Quý La Sát” ngồi cạnh khóm lửa, thất kinh la hoảng: “Quý La Sát, Quý La Sát”, rồi bỏ chạy. Mọi người trong gánh hát nghe tiếng la kinh hoàng, đều thức giấc, thấy “Quý La Sát” ngồi bên khóm lửa, rồi cũng la hoảng và bỏ chạy luôn. Con “Quý La Sát” của gánh hát cũng rờn tóc gáy vì sợ con quý la sát chốn rừng xanh, nên cũng co giò chạy theo. Những người chạy trốn chết, thấy “Quý La Sát” rượt theo, tiếp tục chạy trốn chết.

Thì ra, cái “tướng” quý La Sát của anh chàng la hoảng, rồi bỏ chạy (tướng: tri giác sai lầm) đưa đến cái “tướng” của mọi người trong gánh hát, để rồi, sau rốt chính cái anh chàng “chơi ác” mặc áo Quý La Sát”, bị tướng là Quý La Sát, cũng tướng luôn.

Cái tướng dây chuyền này đã làm xáo trộn gia đình, xã hội, gây biết bao nhiêu tan tác điêu linh. Điển hình là câu chuyện “Thiếu Phụ Nam Xương”. Cũng vì cái tướng của người chồng giận dữ phát khùng, hành hạ và miệt thị người vợ đảm đương, trung thành, vì cho rằng vợ mình đã phản bội. Người vợ, lẽ ra vàng thiết không sợ lửa – cũng vì cái tướng mà không thêm tìm hiểu chồng mình (cho rằng chồng mình ghen bóng ghen gió, lại độc tài ác ôn) để rồi cắn răng nín lặng, đến độ chịu hết nổi, phải tự tử và ôm mối hận xuống tuyền đài.

Vợ chết rồi, người chồng mới phát giác ra cái “không không bố tôi đêm tối mới về” không phải là kẻ thù không đội trời chung, mà chỉ là cái bóng của vợ con mình hiện ra trên vách, khi đèn được thắp lên lúc ban đêm. Người chồng khổ đau vô tận, đứa con cũng khổ đau vô tận.

Bài học ngàn vàng cho người tu học phải chăng là :

-Tự ái, ngã mạn là cái mê muội.

-Nhấn nhục trong cảm hờn là cái mê muội khác

-Dùng lời lẽ thành thật ôn hòa sẽ chuyển hóa được tự ái, ngã mạn, cảm hờn, và giải tỏa được những cái tướng gây tai hại trầm trọng.

Câu chuyện bệnh tướng hay là “con ma tướng” khiến cho tôi nhớ lại câu chuyện ma rất thâm thúy trong kinh “Bát Đại Nhân Giác” (Kinh Tám Điều Giác Ngộ của Bát Đại Nhân). Tôi xin đọc lại thật chậm để các bạn cùng nghe để tìm hiểu và chuyển hóa những con ma vô cùng nguy hiểm:

Điều thứ tư:

“Phải biết rằng:

Hễ biếng lười

Thì truy lạc

Tinh tiến lên

Trừ tội ác,

Bốn con ma

THAM SÂN SI

Với phiền não

Tật đó kia

Nhờ tinh tiến

Đều xa lìa

Ma ngũ ấm

Sắc thọ tướng

Hành thức... biến

Muôn hình trạng

Nhờ tinh tiến

Đều lặng thinh...”

Như vậy, theo điều bốn của kinh Bát Đại Nhân Giác thì những loài ma như : Ma Tham Sân, Si, Ma Tật Đố, Ma Ngũ Ấm (Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức) đều phải xa lìa, vắng lặng, không làm gì được ta, nếu ta tu hành tinh tiến. Tu hành tinh tiến có nghĩa là tu học và hành đạo chuyên cần, dũng mãnh và thường

xuyên (ngược lại là: giải đãi, yếu hèn).

Người con Phật cần thấy rõ hai điều :

-Thứ nhất: Không phải cõi hồng trần đầy đầy ma quỷ. Ma quỷ đều do tâm ta tạo ra. Ma quỷ đầy đầy trong tâm ta : Tham, Hận, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến, Phiền não, Lo sợ...

-Thứ hai: Trong tâm ta có ma mà cũng có Phật.

Thấy rõ như vậy, người con Phật dứt khốt tu học tinh tiến, nghĩa là: học và hành lời dạy của Phật một cách chuyên cần, thường xuyên và đồng mãnh

-Thứ nhất: Dứt khốt không si mê, hèn yếu, không để cho:

"Ma đưa lối, quỷ đưa đường

Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi" (Kiều)

-Thứ hai: Dứt khốt "duy tuệ thị nghiệp", bước đi thẳng thoi mà vững chãi trên con đường giác ngộ: đi theo gót chân Phật.

Người con Phật, nhứt định thực thi được hai điều trên đây vì thấy rõ những con ma đầy đầy trong tâm mình, tuy có nhiều tên, nhưng cùng chung một họ: MA THÁT NIỆM. Người con Phật thấy rõ:

Quỷ ma ở tại lòng ta
Thân ta tham luyến, quỷ ma tung hoành,
Nếu ta tinh tấn tu hành
Trở về chánh niệm, tan tành quỷ ma.

Sydney, mùa đông năm 2005
Minh-Đặng

SILVER FALL -DTP

Thắng có tài tán gái! vì vừa trẻ, đẹp trai, lịch lãm nên hẳn ta có thể "get away with most things".

Dưới chân tháp Bạc, nhiệt độ mát lạnh, gió nhẹ, lò nướng than ấm, chúng tôi ngồi quây quần bên lò nướng, nướng hột gà, bắp, khoai,tiếng lách tách từ lò nghe vui tai và tăng thêm phần yên tĩnh của núi rừng...

"Em bao nhiêu tuổi?" Thắng hỏi một cách vô tư.

Hạ bảo "thế các anh đoán xem em bao nhiêu tuổi?"

Cả ba đưa tôi đều đồng ý cho cô khoảng 18-19 tuổi, Hạ mỉm cười cho rằng tụi này quá hay:

"Các anh hay lắm, vâng em mười tám"

Vừa thưởng thức xong một quả trứng, Thắng lại xin thêm một hột nữa:

"Cho anh thêm một hột nữa đi em, cho nó có thăng bằng"

Đúng là dân Nam, Thắng dùng chữ "hột" thay vì "quả" trứng. Phải công nhận rằng hẳn có tài ăn nói, còn Hạ thì vờ như ngây thơ:

"vâng, trời lạnh ăn trứng ngon lắm anh ạ"

Hỏi hỏi tôi: "còn anh muốn gì?"

Tôi cười nói: "trời rét như thế, có lẽ khoai nóng là số một"

Cô bán hàng vui vẻ, để thêm mấy củ khoai và hai ống cơm tre lên lò, cô tiếp:

"các anh từ đâu đến?"

Tôi trả lời "Anh thì từ Úc, anh Hải nãy từ Cali và chàng đẹp trai này từ Sóc Trăng ..."

ngụ ý quảng cáo anh Thắng nhà ta vừa trẻ vừa đẹp giai!

Hạ nhận xét: "vậy à, sao em thấy các anh như là thân nhau lắm ..."

Như một phản ứng tự nhiên Hải nói liền: "Giang hồ tứ hải giai huynh đệ mà"

Kể ra cũng hay, mới quen nhau có mấy ngày, nhậu với nhau mấy lần mà chúng tôi cảm thấy thân nhau lắm. Qua những lần cụng ly rượu "tám mèo", chúng tôi tâm tình với nhau nhiều về việc làm, đời sống và gia đình ... Chúng tôi đã bàn cãi tất cả mọi thứ, chuyện trên trời, dưới đất.

Quả trứng đã chín, Hạ lấy giấy bao sơ cho không nóng rồi đưa cho Thắng. Thắng đập nhẹ cho trứng vỡ, mùi trứng thơm bay phảng phất làm tôi cảm thấy đói hơn. Tôi lượm củ khoai nóng từ lò lên.

Trời mát, gió lạnh, than hồng, good conversation, bụng đói và khoai nóng - what a combination, không còn gì hơn.

"Các anh có đi chợ 'tình' chưa?"

Thắng nhanh nhẩu "Chưa. Mà chợ tình là gì vậy?"

Hỏi cho có hỏi vậy chứ vì anh Việt Thuận đã giảng cho chúng tôi biết rồi. Nếu dịch tạm ra Anh ngữ thì